TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 524/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12/8/2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Bé**.

2. Ông **Võ Văn Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hoàng Lan Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lâm Quốc N**, sinh năm: 1984 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.
Tạm trú: Tổ F, ấp T, xã B, huyện C, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Đinh Thu D**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Tổ F, ấp T, xã B, huyện C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lâm Quốc N trình bày: Ông và bà Đinh Thu D chung sống với

nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 30/12/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi vã, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được nên ông bà đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho ông ly hôn với bà D.

- Về con chung: Có 01 con tên Lâm Quốc Huy, sinh ngày 09/12/2006. Khi ly hôn, ông yêu cầu bà D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huy, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà Đinh Thu D vắng mặt dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, bà D cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông N vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như đã trình bày trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng. Về nội dung: Do ông N, bà D có mâu thuẫn kéo dài, ly thân từ năm 2018 mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng bà D cũng vắng mặt chứng tỏ bà không có ý hàn gắn với ông N, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông N ly hôn với bà D. Về con chung: Do cháu Huy được bà D nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của ông N, giao cháu Huy cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, ông N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời bà D vắng mặt, không có ý kiến về vấn đề này nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lâm Quốc N khởi kiện bà Đinh Thu D yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông N và bà D là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bà Đinh Thu D vắng mặt dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Lâm Quốc N và bà Đinh Thu D sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 30/12/2005 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Ông N yêu cầu được ly hôn, bà D vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề này. Nhận thấy, ông Lâm Quốc N và bà Đinh Thu D có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân từ năm 2018. Trong thời gian ly thân, ông bà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng bà D cũng vắng mặt chứng tỏ bà không có ý hàn gắn với ông N. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông N được quyền ly hôn với bà D.

[4] Về con chung: Có 01 con tên Lâm Quốc Huy, sinh ngày 09/12/2006, hiện đang sống chung với bà D. Khi ly hôn, ông yêu cầu bà D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huy, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Huy được bà D nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, đồng thời theo bản tự khai thì nguyện vọng của cháu Huy là được sống với bà D nên cần giao cháu Huy cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Ông N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời bà D vắng mặt, không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Quốc N.

1. Về hôn nhân: Cho ông Lâm Quốc N được quyền ly hôn với bà Đinh Thu D.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Quốc Huy, sinh ngày 09/12/2006 cho bà Đinh Thu D là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Ông Lâm Quốc N phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai

số 0002696 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Nam Thái A;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Huy Vũ